


PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

ACID CITRIC	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 77-92-9 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: Axit citric	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: Acid Citric	
Tên khác (không là tên khoa học):	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CTY TNHH TM DV XNK KHÁNH AN SÀI GÒN 30/17 Đường HT31, KP01, p.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM Điện thoại: (028).6683.3399 – 6683.4499
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
Mục đích sử dụng: làm phụ gia trong các ngành công nghiệp	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Axit Citric	77-92-9	$C_6H_8O_7$	100%

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (th DSCL (EEC): R36- kích ứng mắt, hệ hô hấp và da. S26- trong trường hợp tiếp xúc với mắt, cần rửa ngay với nhiều nước và gặp bác sĩ chuyên khoa. S37/39- trang bị trang phục bảo vệ phù hợp

DSCL (EEC): R36- kích ứng mắt, hệ hô hấp và da. S26- trong trường hợp tiếp xúc với mắt, cần rửa ngay với nhiều nước và gặp bác sĩ chuyên khoa. S37/39- trang bị trang phục bảo vệ phù hợp.

HMIS (U.S.A.)

Độc hại sức khỏe: 2

Nguy hiểm cháy: 1

Độ hoạt hóa: 0

Bảo vệ cá nhân: E

National Fire Protection Association (U.S.A.)

Sức khỏe: 2

Khả năng cháy: 1

Độ hoạt hóa: 0

Độc hại đặc biệt:

2. Cảnh báo nguy hiểm

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: gây kích ứng vừa phải đến mạnh cho mắt, có thể tổn thương.
- Đường thở: ít nguy hại.
- Đường da: gây ra kích ứng nhẹ đến vừa phải, có thể bị cháy bỏng, quá liều có thể gây tổn thương.
- Đường tiêu hóa: gây kích ứng ruột, dạ dày, buồn nôn, nôn mửa, tiêu chảy. Quá liều có thể ăn mòn răng và hủy hoại canxi. Có thể tác động đến chức năng thần kinh trung ương (run rẩy, rối loạn, co cơ hay liệt).

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt):

Kiểm tra và loại bỏ bất kỳ kính sát trùng. Khi bị tiếp xúc với mắt, phải rửa mắt ngay với nhiều nước ít nhất trong 15 phút và gặp bác sĩ chuyên khoa.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da):

Rửa bằng xà phòng và nước, thay bỏ quần áo nhiễm bẩn, gặp bác sĩ chuyên khoa nếu có những kích ứng. Quần áo nhiễm bẩn phải giặt giữ khi sử dụng lại.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí):

Nếu ngừng thở, thực hiện hô hấp nhân tạo cho nạn nhân, nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt...

Nếu thở khó khăn, cần cung cấp oxy cho nạn nhân. Nếu hít phải, cần đưa nạn nhân tới phòng thoáng mát. Gọi cấp cứu nếu vấn đề hô hấp không được cải thiện.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất):

Tránh để nạn nhân nôn mửa trừ khi có sự trợ giúp của y tế, không được sử dụng miệng để hô hấp nạn nhân. Nếu nuốt phải lượng lớn, cần gọi cấp cứu ngay. Nói lỏng quần áo, cổ áo, thắt lưng, cà vạt...

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...):

Có thể bốc cháy ở nhiệt độ cao.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:

3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...):

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Bột chống cháy, phun nước hay sương. Chỉ sử dụng bột hóa chất khô, cacbon dioxit, cát hay đất cho các vụ hỏa hoạn nhỏ. Không sử dụng vòi phun nước có áp lực để dập lửa.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:

Mang đầy đủ quần áo bảo vệ và dụng cụ thở có ôxy. Khi chữa cháy trong không gian kín phải dùng các thiết bị bảo hộ thích hợp, bao gồm cả mặt nạ phòng độc.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có) :

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:

Sử dụng dụng cụ thích hợp xúc bỏ hóa chất đổ rót vào thùng rác, lau sạch bằng nước trên bề mặt bị nhiễm bẩn và thải bỏ theo qui định của pháp luật.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:

Ngăn chặn sự rò rỉ. Không cho nước vào thùng chứa. Sử dụng tia nước làm giảm bay bụi. Ngăn tràn rỉ vào hệ thống cống, tầng hầm, khu vực hạn chế. Loại bỏ mọi nguồn gây cháy. Gọi trợ giúp cho việc xử lý. Rửa khu vực nhiễm bẩn bằng nước. Có thể đổ tràn tới hệ thống cống thải.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Đề cách xa nguồn nhiệt, nguồn gây cháy. Đặt tất cả thiết bị trên nền đất. Không được nuốt hay hít bụi. Hạn chế tiếp xúc với mắt. Mặc quần áo bảo vệ. Trong trường hợp thiếu thông thoáng, trang bị mặt nạ thích hợp. Nếu nuốt phải, gọi ngay bác sĩ. Giữ hóa chất xa khỏi những hóa chất không tương thích như tác chất oxi hóa, khử, kim loại, kiềm.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...):

Đóng chặt nắp thùng chứa. Để thùng chứa ở vùng khô ráo, thông thoáng.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...):

Sử dụng quy trình khép kín, thông thoáng tại chỗ, hay những kiểm soát kỹ thuật khác để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn tiếp xúc. Nếu quá trình vận hành tạo ra bụi, khói hoặc sương, thực hiện thông gió để giữ ngưỡng hít thở dưới ngưỡng giới hạn.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Kính an toàn, áo khoác phòng thí nghiệm, khẩu trang thích hợp, găng tay.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

Kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, mặt nạ ngăn bụi, ủng, găng tay. Thiết bị trợ hô hấp nếu cần.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...):

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: thể rắn (dạng tinh thể)	Điểm sôi (°C): phân huỷ
Màu sắc:	Điểm nóng chảy (°C): 33°C
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định:
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn:	Nhiệt độ tự cháy (°C):
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn :	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí):
Độ hòa tan trong nước: tan	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí):
Độ PH :	Tỷ lệ hóa hơi:
Khối lượng riêng (kg/m ³):	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Hoá chất ổn định.

2. Khả năng phản ứng :

Những điều kiện gây không ổn định: quá nhiệt, vật liệu không tương thích.

Những hóa chất không tương thích: phản ứng với tác chất oxi hóa, tác chất khử, kim loại, kiềm.

Tính ăn mòn: ăn mòn kẽm, đồng, nhôm và các hợp kim nhôm. Không ăn mòn thủy tinh.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Axit Citric	LD ₅₀		Miệng	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...):

Sử dụng thường xuyên thức uống chứa chất này có thể làm ăn mòn men răng, kích ứng màn nhày.

Axit citric có thể gây hại cho răng. Tiếp xúc kéo dài và liên tục có thể làm tổn thương các cơ quan trong cơ thể. Tiếp xúc kéo dài và liên tục nồng độ bụi hóa chất thấp có thể gây kích ứng mắt, viêm da hay phá hủy cấu trúc da. Hóa chất có thể gây tổn thương phổi tùy theo mức độ tiếp xúc hóa chất.

2. Các ảnh hưởng độc khác :

- Độc hại trong trường hợp hít phải (phổi). Ít nguy hại khi tiếp xúc với da.
- Độc hại khi tiếp xúc với da và mắt (ăn mòn).
- Chất lỏng hoặc phun sương có thể gây tổn thương mô, đặc biệt niêm mạc mắt, miệng và đường hô hấp.
- Hơi sương có thể gây kích thích đường hô hấp nghiêm trọng.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Axit citric	cá	Chưa có thông tin	

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD: chưa có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại.
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: sản phẩm phân huỷ có độc tính hơn.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp):

Căn cứ theo quy định hiện hành Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: chưa có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy:

Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.

Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số	Tên vận	Loại, nhóm	Quy cách	Nhãn vận	Thông tin
--------------	----	---------	------------	----------	----------	-----------

	UN	chuyển đường biển	hàng nguy hiểm	đóng gói	chuyển	bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:

- Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002

- Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

- Thông tư 28/2010/TT-BTC ngày 28/06/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa Chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP.

- Thông tư 04/2012/TT-BCT ngày 13/02/2012 của Bộ Công Thương quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 17/06/2017

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 11/12/2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.